

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN NHƯ QUỲNH**

**ĐẶC ĐIỂM ĐỊA DANH**  
**HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ học**

**Mã số: 60.22.01**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Đà Nẵng - Năm 2015**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. LÊ ĐỨC LUẬN**

Phản biện 1: PGS. TS. Hoàng Tất Thắng

Phản biện 2: PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chinh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học Xã hội và nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 28 tháng 12 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Địa danh học là một bộ phận đặc biệt của từ vựng học, chuyên nghiên cứu nguồn gốc, ý nghĩa và đặc điểm cấu tạo các tên gọi chỉ các đối tượng địa lý tự nhiên và nhân văn. Việc nghiên cứu địa danh giúp chỉ ra các nguyên tắc định danh đặc thù gắn với mỗi vùng phương ngữ và các khu vực địa - văn hóa khác nhau

Nghiên cứu địa danh trong những mối quan hệ với các mặt có liên quan như vậy, sẽ phác thảo được bức tranh tổng thể về địa danh huyện Núi Thành. Đến thời điểm này, chưa có công trình ngôn ngữ học nào nghiên cứu tổng thể về địa danh huyện Núi Thành. Là một người sinh ra và lớn lên tại địa phương, nhận thức được ý nghĩa của vấn đề, chúng tôi đã chọn đề tài “Đặc điểm Địa danh huyện Núi Thành” làm đối tượng nghiên cứu.

### 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

#### 2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn hướng đến các mục đích sau:

- Giúp nhận diện đặc trưng ngôn ngữ-văn hóa được ký thác, qua các từ ngữ dùng để gọi tên địa danh ở huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Cung cấp dữ liệu biên soạn từ điển từ nguyên và từ điển bách khoa địa danh Quảng Nam.

#### 2.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện mục đích trên, luận án văn có những nhiệm vụ sau: 3.2. Nhiệm vụ: 1) Trình bày cơ sở lí luận và giới thiệu về địa bàn nghiên cứu; 2) Miêu tả đặc điểm cấu trúc các địa danh; 3) Miêu tả đặc điểm định danh, ngữ nghĩa và đặc trưng văn hóa của địa danh.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng**

Đối tượng nghiên cứu là Đặc điểm địa danh huyện Núi Thành. Luận văn sẽ tập trung khảo sát tên gọi các đối tượng địa lý tồn tại trên địa bàn.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Về phạm vi nghiên cứu, luận văn chủ yếu mô tả, khảo sát những địa danh về mặt ngôn ngữ trên diện đồng đại và bước đầu tìm hiểu về một số nguồn gốc ý nghĩa của địa danh thuộc huyện Núi Thành.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Có 4 phương pháp chính: 1) Phương pháp thu thập và xử lý tư liệu; 2) Phương pháp thống kê, phân loại và miêu tả; 3) Phương pháp so sánh, đối chiếu; 4) Phương pháp phân tích, tổng hợp.

#### **\* Đóng góp và ý nghĩa thực tiễn**

Những kết quả của luận văn đã góp phần luận án tìm hiểu nguồn gốc, ý nghĩa, cấu tạo và chuẩn hóa địa danh; chỉ ra những mối liên quan mật thiết giữa địa danh với hệ thống ngữ âm, từ vựng, sự giao thoa, tiếp xúc ngôn ngữ giữa các dân tộc.

Luận văn cũng góp phần thể hiện một vài đặc điểm về các vấn đề chung của lịch sử tiếng Việt.

### **5. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài**

#### **5.1. Tình hình nghiên cứu địa danh trên thế giới**

Việc nghiên cứu địa danh đã xuất hiện từ lâu trên thế giới: Trung Quốc, Pháp, Nga, Anh Mỹ,... Đáng chú ý là các nghiên cứu của A.Dauzat và Ch.Rostaing (1963), A.V.Superanxkaja (1985), Naftali Kadmon (2000), Những công trình nghiên cứu địa danh trên thế giới nói trên đã vạch ra một khung lý thuyết tương đối

khái quát, từ cách phân loại đến việc miêu tả các lớp địa danh, phương thức định danh.

### **5.2. Tình hình nghiên cứu địa danh ở Việt Nam**

Việc nghiên cứu địa danh ở Việt Nam được tiếp cận từ hai góc độ: góc độ địa lí- lịch sử - văn hóa và góc độ ngôn ngữ học. Từ góc độ lịch sử- địa lí- văn hóa, đáng chú ý là các nghiên cứu của Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Âu, Từ góc độ ngôn ngữ học, phải kể đến Hoàng Thị Châu, Lê Trung Hoa, Nguyễn Kiên Trường, Từ Thu Mai, Trần Văn Dũng, Phan Xuân Đạm. Nhìn một cách tổng thể, việc tìm hiểu các địa danh huyện Núi Thành như một đối tượng riêng, độc lập hiện vẫn còn là một khoảng trống.

### **5.3. Vấn đề nghiên cứu địa danh ở huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam**

Hiện chỉ có một công trình nghiên cứu về địa danh ở Quảng Nam như: *Đặc điểm địa danh Quảng Nam* (luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Thị Bình Phương) công trình này chỉ mang tính khảo quát. Địa danh huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vẫn còn mới mẻ, và nhiều điều chưa được khám phá.

### **6. Bố cục của luận văn**

Ngoài mở đầu, tài liệu tham khảo, kết luận, phụ lục, nội dung chính của luận văn gồm 3 chương sau:

Chương 1: Cơ sở lí thuyết và khái quát về huyện Núi Thành

Chương 2: Đặc điểm cấu tạo địa danh huyện Núi Thành

Chương 3: Đặc điểm ngữ nghĩa địa danh huyện Núi Thành

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ KHÁI QUÁT

### VỀ HUYỆN NÚI THÀNH

#### 1.1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ ĐỊA DANH

##### 1.1.1. Khái niệm địa danh

Tiếp thu những định nghĩa về địa danh đã có trước đây, luận văn quan niệm: Địa danh chính là những từ, cụm từ được sử dụng để gọi tên các đối tượng, không gian địa lí, các đặc trưng địa hình, địa vật nào đó, có tác dụng khu biệt, định vị chính những đối tượng, không gian địa lí, những đặc trưng địa hình, địa vật được gọi tên đó với những đối tượng, không gian địa lí, những đặc trưng địa hình địa vật khác trong môi trường xung quanh.

##### 1.1.2. Phân loại địa danh

Luận văn trình bày các cách phân loại địa danh của các nhà nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam một cách chi tiết. Để phân loại “Địa danh huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam”, chúng tôi vận dụng cả hai tiêu chí: tiêu chí tự nhiên và tiêu chí không tự nhiên, và chúng tôi còn phân loại địa danh theo số lượng âm tiết.

##### *a. Các quan điểm phân loại*

Để có thể giúp cho việc nghiên cứu địa danh diễn ra thuận lợi và đạt kết quả cao, người ta thường tiến hành phân loại địa danh thành các kiểu, nhóm khác nhau. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề phức tạp mà cho đến nay vẫn chưa có được một cách phân loại thống nhất giữa các nhà nghiên cứu địa danh.

Các nhà nghiên cứu địa danh học phương Tây và Xô Viết thường phân loại địa danh dựa trên hai tiêu chí ngữ nguyên và đối tượng.

## ***b. Quan điểm phân loại của tác giả luận văn***

*b.1. Căn cứ vào nguồn gốc địa danh và đặc điểm địa hình*

*b.2. Căn cứ vào nguồn gốc tên gọi*

*b.3. Phân loại theo số lượng âm tiết*

Kết quả phân loại địa danh chúng tôi trình bày chi tiết ở chương 2 của luận văn.

### **1.1.3. Đối tượng nghiên cứu của địa danh**

Địa danh học là một ngành của ngôn ngữ học, chuyên nghiên cứu ý nghĩa, nguồn gốc và những biến đổi của địa danh. Bên cạnh đó, nghiên cứu địa danh học còn cần phải chỉ ra được các phương thức đặt địa danh và phân tích cách cấu tạo địa danh, phát hiện những nguyên nhân chi phối sự ra đời, hành chức và tiêu vong của địa danh. Như vậy, đối tượng của địa danh học chính là địa danh.

### **1.1.4. Vị trí của địa danh học trong ngôn ngữ học**

Địa danh học vừa là “thành tố” vừa là “đối tác” của ngôn ngữ học. Địa danh học cũng có quan hệ với ngữ âm học, từ vựng học và ngữ pháp học, phương ngữ học, Tuy nhiên, “địa danh học thuộc hẳn về từ vựng học”. Bản thân địa danh học cũng được chia làm các tiểu ngành như sơn danh học, thủy danh học, phương danh học và phố danh học,...

### **1.1.5. Các phương thức cấu thành địa danh**

Có nhiều tác giả định nghĩa về phương thức cấu thành địa danh, mỗi cách nhìn của các tác giả góp phần làm phong phú thêm ý nghĩa của tên gọi mà địa danh gọi ra cũng như địa danh đó phản ánh hiện thực điều gì. Điều đó còn cho thấy mối quan hệ hiện thực giữa tư duy, hiện thực và ngôn ngữ của con người khi đặt tên như thế nào.

## **1.2 LÝ THUYẾT VỀ TỪ NGỮ**

### **1.2.1. Khái quát về từ**

Luận văn đã trình bày các khái niệm về từ của một số nhà nghiên cứu, qua đó cho thấy các nhà nghiên cứu đã đưa ra định nghĩa về từ tiếng Việt xuất phát từ nhiều góc độ khác nhau. Song cơ bản các định nghĩa đã đưa ra những đặc điểm cụ thể của từ, đó là những căn cứ quan trọng cho việc khảo sát về những từ ngữ chỉ địa danh huyện Núi Thành.

### **1.2.2. Khái quát về ngữ**

Có nhiều cách hiểu về ngữ của nhiều tác giả khác nhau. Tuy nhiên ở đây theo chúng tôi cụm từ ngữ có cấu tạo khác nhau, cụm từ thường chỉ một tổ hợp từ ba từ đến sáu từ còn ngữ có thể có cấu trúc yếu tố phụ trước và sau. Thành ngữ là một loại cụm từ cố định nhưng chức năng ngữ nghĩa như từ.

## **1.3. KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN NÚI THÀNH**

### **1.3.1. Địa lý tự nhiên**

Huyện này được thành lập ngày 3 tháng 2 năm 1983 khi huyện Tam Kỳ được chia thành huyện Núi Thành và Thị xã Tam Kỳ thuộc tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng. Từ ngày 26 tháng 1 năm 1996 thuộc tỉnh Quảng Nam, gồm Thị trấn Núi Thành là huyện lỵ và 16 xã.

Núi Thành là huyện nằm phía Nam của tỉnh Quảng Nam, được thành lập năm 1983 trên cơ sở huyện Tam Kỳ. Phía bắc giáp thành phố Tam Kỳ, phía nam giáp huyện Bình Sơn và huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp huyện Nam Trà My, phía đông giáp Biển Đông.

### **1.3.2. Địa lý hành chính**

Núi Thành là đơn vị hành chính được tách từ huyện Tam Kỳ (về sau thành thị xã Tam Kỳ, sau đó nâng cấp lên thành phố Tam Kỳ).



Kỳ) theo Quyết định số 144/HĐB của Hội đồng Bộ trưởng ngày 3/12/1983. Huyện Núi Thành nằm ở phía cực Nam của tỉnh Quảng Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi, có diện tích tự nhiên  $533km^2$ , trong đó đất nông nghiệp chiếm 7.703ha, đất lâm nghiệp chiếm 25.147ha, phía Đông là bờ biển dài 37km, phía Tây giáp huyện Bắc Trà My.

### **1.3.3. Nguồn gốc dân cư, sắc thái văn hóa**

#### ***a. Nguồn gốc dân cư***

Cũng như nhiều địa phương khác ở Nam Trung Bộ, cư dân huyện Núi Thành, đại bộ phận là cư dân nghèo ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ di cư vào, một số người do đấu tranh chống lại chế độ triều đình phong kiến bị bắt đày vào đây, một số khác là tù binh trong cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn được tổ chức khai khẩn ruộng đất theo chế độ “binh điền”.

#### ***b. Sắc thái văn hóa***

Núi Thành có sự giao thoa của nhiều nền văn hóa như: văn hóa Chăm, văn hóa Sa Huỳnh. Trải qua hàng ngàn năm lao động và chiến đấu, xây dựng và phát triển các thế hệ người dân ở Núi Thành đã sáng tạo, vun đắp, lưu truyền một nền văn hóa phong phú đa dạng, vừa thể hiện đặc điểm văn hóa của cả nước, của cả vùng, vừa thể hiện đặc trưng của địa phương.

## **1.4. TIỂU KẾT**

Qua những tiền đề lí luận và thực tiễn về địa danh nói chung và những nét khái quát về địa bàn huyện Núi Thành nói riêng, chúng tôi có vài nhận định như sau:

Nghiên cứu địa danh học là một vấn đề phức tạp, phong phú. Nếu như địa danh học ở thế giới đã bước sang giai đoạn phát triển từ lâu thì ở Việt Nam, vấn đề nghiên cứu địa danh vẫn đang giai đoạn hình thành. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu địa danh học ở Việt Nam

đã giúp cho chúng ta một cái nhìn khác về địa danh đó là nó có một vị trí riêng không kém phần so với các lĩnh vực khác trong xã hội. Những cơ sở, đối tượng, phương pháp nghiên cứu về địa danh bước đầu được xác lập khiến những ai quan tâm tới vấn đề này đều cảm thấy hứng thú khi bước vào tìm hiểu. Bởi địa danh có mối quan hệ mật thiết với nhiều ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, muốn hiểu được chúng cần áp dụng phương pháp liên ngành.

Địa danh học là một bộ phận đặc biệt của bộ môn từ vựng học. Vì vậy nghiên cứu địa danh sẽ góp phần phản ánh đời sống ngôn ngữ, thể hiện qua nhiều mặt khác nhau như ngữ âm, ngữ pháp, phương ngữ. Nghiên cứu địa danh huyện Núi Thành cũng vậy. Qua những vấn đề thực tiễn về địa bàn có thể thấy rằng Núi Thành cũng thể hiện những nét đặc trưng riêng về lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ bên cạnh sự giao thoa tiếp xúc với nhiều địa bàn khác.

## CHƯƠNG 2

### ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO CỦA ĐỊA DANH HUYỆN NÚI THÀNH

#### 2.1. ĐỊA DANH NÚI THÀNH XÉT THEO LOẠI HÌNH

##### 2.1.1. Địa danh thiên nhiên (địa danh tự nhiên)

Qua quá trình điền dã và ghi chép trên địa bàn huyện Núi Thành chúng tôi đã thu thập được 1156 địa danh. Trong đó có 298 địa danh tự nhiên, chiếm 25,78% gồm 3 tiểu loại: *địa danh đồi núi, địa danh sông nước, địa danh đồng bằng.*

##### a. Địa danh đồi núi

##### b. Địa danh sông nước

##### c. Địa danh đồng bằng

Kết quả thu thập được thể hiện ở bảng như sau:

**Bảng 2.1: Kết quả thu thập địa danh tự nhiên huyện Núi Thành**

TT	Địa danh	Số lượng	Tỉ lệ	Ví dụ
01	Địa danh đồi núi	137	11,85%	<i>dãy núi Răng Cưa, gò Diêm, đồi Cây Sơn...</i>
02	Địa danh sông nước	85	7,35%	<i>sông Bến Ván, vũng Vả Nền...</i>
03	Địa danh đồng bằng	76	6,57%	<i>ruộng Gò Diên, rừng Cổ Cò...</i>

##### 2.1.2. Địa danh nhân văn (địa danh nhân tạo)

Huyện Núi Thành có 858 địa danh nhân tạo, chiếm 74,22% gồm 3 loại nhỏ: *địa danh hành chính, địa danh chỉ các công trình xây dựng, địa danh chỉ các công trình di tích lịch sử, văn hóa tín ngưỡng.*

a. *Địa danh hành chính*

b. *Địa danh chỉ các công trình xây dựng*

c. *Địa danh chỉ các công trình di tích lịch sử, văn hóa tín ngưỡng*

Kết quả thu thập được thể hiện ở bảng như sau:

**Bảng 2.2: Kết quả thu thập địa danh nhân văn huyện Núi Thành**

T T	Địa danh	Số lượng	Tỉ lệ	Ví dụ
1	Địa danh hành chính	487	42,12%	<i>thôn</i> Thạch Kiều, <i>xã</i> Tam Hòa,...
2	Địa danh công trình xây dựng	198	17,12%	<i>cầu</i> Quan, <i>đập</i> Làng,...
3	Địa danh các công trình di tích lịch sử, văn hóa tín ngưỡng	173	14,97%	<i>chùa</i> Bửu Quang,...

**Bảng 2.3: Kết quả tổng hợp chung hai loại địa hình địa danh huyện Núi Thành**

STT	Loại địa hình địa danh	Số lượng	Tỉ lệ
1	Địa danh tự nhiên	298	25,78%
2	Địa danh nhân văn	858	74,22%
Tổng cộng:		1156	100%

## 2.2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA DANH HUYỆN NÚI THÀNH XÉT THEO NGUỒN GỐC NGŨ NGUYÊN

### 2.2.1. Địa danh có nguồn gốc thuần Việt

Số lượng địa danh thuần Việt so tổng số lượng địa danh huyện Núi Thành là 820/1156 chiếm 70,9%, trong đó địa danh tự nhiên có nguồn gốc thuần Việt chiếm số lượng nhiều hơn địa danh nhân tạo.

### 2.2.2. Địa danh có nguồn gốc Hán - Việt

Địa danh Hán - Việt là 315/1156 địa danh chiếm 27,2%, chủ yếu xuất hiện trong các địa danh hành chính và địa danh các công trình xây dựng, địa danh các công trình di tích lịch sử, văn hóa tín ngưỡng.

### 2.2.3. Địa danh có nguồn gốc khác

Như đã trình bày ở luận văn, địa danh có nguồn gốc khác ở địa danh Núi Thành rất ít. Được thể hiện qua bảng thống kê như sau:

**Bảng 2.4: Bảng thống kê và phân loại địa danh**

TT	Loại địa danh	Tỉ lệ %	Ví dụ
1	Nguồn gốc thuần Việt	70,9%	<i>dãy núi Đá Con Heo, chợ Cây Trâm...</i>
2	Nguồn gốc Hán - Việt	27,2%	<i>chùa Thạnh Mỹ, đình làng Long Phú,...</i>
3	Nguồn gốc khác	1,9%	<i>xã Zút, xứ A Vô...</i>

## 2.3. ĐỊA DANH XÉT THEO SỐ LƯỢNG ÂM TIẾT

### 2.3.1. Địa danh đơn tiết

Đây là những địa danh chỉ có một tiếng. Loại địa danh này phần lớn là địa danh thuần Việt. Trong số 1156 địa danh có 295 địa danh đơn tiết, chiếm 25,6%, chủ yếu là địa danh thuần Việt.

### 2.3.2. Địa danh phức

Địa danh có hai tiếng trở lên. Núi Thành có 861 địa danh phức, chiếm 74,4% trong đó địa danh đồi núi có 95 địa danh phức, chiếm 8,2%.

## 2.4. CÁC PHƯƠNG THỨC ĐẶT ĐỊA DANH NÚI THÀNH

### 2.4.1. Phương thức tự tạo

**Định danh dựa vào chính bản thân đối tượng:** Cách thức định danh này dựa trên 4 cơ sở định danh sau (hình dáng, kiến trúc, kích thước và màu sắc, tính chất). Ví dụ: Dãy núi Răng Cưa (TMĐ): hình dáng đá đứng như vách, trong chia thành bốn năm đoạn nhọn hoặc lên sát tầng mây như hình răng cưa,...

**Dựa vào sự vật, yếu tố có quan hệ chặt chẽ với đối tượng để gọi:** Cách thức này dựa trên 6 cơ sở định danh (cùng loại, gần gũi về hình thức, vị trí của đối tượng so với đối tượng khác, đặc sản và hoạt động nghề nghiệp, người nổi tiếng trong vùng, vật có nhiều ở nơi đó, biến cố lịch sử hay nhân danh có liên hệ trực tiếp đến đối tượng) Ví dụ: xóm Cau, cù lao Cồn Chùa...

**Ghép các yếu tố Hán – Việt để đặt tên:** Ví dụ: đồng Bình An, cầu An Tân

**Dùng số đếm hoặc chữ cái để đặt tên:** Cách thức này dựa trên 2 cơ sở để định danh (từ Hán Việt + số đếm, số đếm + chữ cái), Ví dụ: xã Tam Xuân 1, làng Trường Cửu 2, quốc lộ 1A,...

**Phương thức phái sinh từ địa danh ban đầu:** Ví dụ Tam Anh: xã Tam Anh Bắc (NT), xã Tam Anh Nam (NT),....

### 2.4.2. Phương thức ghép

**Ghép địa danh với số thứ tự:** Ví dụ xã Tam Xuân 1, thôn Phú Quý,...

***Ghép các yếu tố Hán Việt: Dựa trên 2 cơ sở để định danh*** (tên có yếu tố Hán Việt với từ Hán Việt chỉ phương hướng, thành tố đầu và cuối của các địa danh) . Ví dụ: xã Tam Mỹ Đông, Đường Trà Sơn từ hai địa danh: Tam Trà + Tam Sơn, ...

### **2.4.3. Phương thức chuyển hóa**

Có 3 loại chuyển hóa: **Chuyển hóa trong nội bộ loại địa danh.** Ví dụ: ruộng Bàn Thạch→ sông Bàn Thạch, cảng An Hòa→ cửa An Hòa,...

**Địa danh này bao hàm hay chuyển sang địa danh khác.** Ví dụ: cầu Bàu Sen→ đồng Bàu Sen

**Nhân danh chuyển thành địa danh :** Ví dụ: nhà yêu nước Nguyễn Phùng → cầu Nguyễn Phùng

### **2.4.4. Phương thức vay mượn**

***Vay mượn tên người tên đất trên lãnh thổ Việt Nam để đặt tên.*** Ví dụ: thôn Phú Thọ, thôn Nam Định,...

***Vay mượn từ các ngôn ngữ khác( ngôn ngữ dân tộc thiểu số, tiếng Pháp, tiếng Hán) ví dụ:*** tiếng Hre (zút) xã Zút có nghĩa là làng, nông trường cao su Đức Phú, cảng Kỳ Hà,...

## **2.5. MÔ HÌNH CẤU TRÚC PHỨC THỂ CỦA ĐỊA DANH HUYỆN NÚI THÀNH**

### **2.5.1. Vài nét về cấu trúc phức thể địa danh**

Gồm hai yếu tố chúng tôi gọi là thành tố chung và thành tố riêng. Được thể hiện ở bảng như sau:

**Bảng 2.5: Mô hình cấu trúc phức thể địa danh Núi Thành**

Mô hình	Thành tố chung ( tối đa 5 âm tiết)					Thành tố riêng ( tối đa 9 âm tiết)								
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Ví dụ	Thôn					Phú	Nam	Bắc						
	Di	Tích	lịch	sử										
	Di	Tích	khảo	cổ	học	chiến	thắng	máy	bay	Mĩ	tại	làng	Mĩ	Đông

### 2.5.2. Cấu trúc thành tố chung

**a. Số lượng các thành tố chung:** Trong tổng số 1156 phức thể địa danh huyện Núi Thành, chúng tôi tập hợp và thống kê được 83 loại hình đối tượng địa lý, tương đương 83 thành tố chung.

**b. Sự phân bố của các thành tố chung trong phức thể địa danh Núi Thành:** Có 34 thành tố chung trong địa danh tự nhiên, chiếm 40,97% ( bao gồm địa danh đồi núi, sông nước, đồng bằng). Ví dụ: *dãy núi, cù lao, đồng, ruộng, sông, hồ, suối...*

- Có 59 thành tố chung trong địa danh nhân tạo, chiếm 59,03% ( bao gồm địa danh chỉ các công trình xây dựng, địa danh chỉ các công trình di tích lịch sử, văn hóa tín ngưỡng, địa danh hành chính). Ví dụ: *làng, xóm, khu tái định cư, chùa, di tích lịch sử...*

**c. Chức năng của thành tố chung trong phức thể địa danh Núi Thành**

*Chức năng chuyển hóa các thành tố chung sang các yếu tố tên riêng*

Thành tố chung và tên riêng có mối quan hệ qua lại, hỗ trợ cho nhau. Thành tố chung là cái được hạn định trong phức thể địa danh nên nó thực hiện chức năng rất quan trọng là đi kèm và phân biệt địa



hình cho địa danh. Chẳng hạn cùng một địa danh *Núi Thành*, nhưng khi đi sau các thành tố chung như: *huyện, thị trấn, nghĩa trang liệt sĩ...* thì các phức thể địa danh này cũng có sự khác nhau và cũng có sự phân biệt rõ ràng về loại hình đối tượng địa lý ta có các phức thể địa danh khác nhau như *huyện Núi Thành (NT), thị trấn Núi Thành (NT), nghĩa trang liệt sĩ huyện Núi Thành (NT)...*

*Chức năng hạn định của thành tố chung và tên riêng.*

Trong một phức thể địa danh bao giờ cũng gồm hai bộ phận, thành tố chung (cái được hạn định) thành tố riêng là (cái hạn định). Nhờ các thành tố chung mà các địa danh được phân biệt rõ ràng. Ví dụ các thành tố: “núi, sông, hồ, gò”, có chức năng phân biệt loại hình và các địa danh cụ thể trong các phức thể địa danh: núi *Trà Quân (TX1)*, núi *Răng Cưa (TMĐ)*, sông *Trường Giang (NT)*, gò *Dưa (TH3)*, ... Các thành tố chung, “*làng, thị trấn, thôn, chùa*” có chức năng phân biệt loại hình các địa danh cụ thể: chùa *Hang*, thị trấn *Núi Thành (NT)*, cầu *Treo (TT1)*, cầu *Bản (TMĐ)...*

**Bảng 2.6: Kết quả sự chuyển hóa thành tố chung (A) thành các yếu tố trong tên riêng (B)**

Vị trí	YT1	YT 2	YT3	YT4	YT5	YT6	YT7	Tổng
Số lượng	116	36	3	0	0	0	1	156
Tỉ lệ %	74,36	23,07	1,94	0	0	0	0,63	100

**d. Cấu tạo của thành tố chung :**

**Cấu tạo đơn :** Ví dụ: núi, sông, động,...

**Cấu tạo phức:** ví dụ: công viên, sân vận động,...

*Được thể hiện ở bảng như sau:*

**Bảng 2.7: Kết quả thống kê cấu tạo các thành tố chung**

Số âm tiết	Số lượng	Tỉ lệ	Ví dụ
Một âm tiết	55	66,3%	<i>núi Đất, đèo Phường Tổng, cầu Sủn...</i>
Hai âm tiết	20	24,09%	<i>đình làng Khương Hội...</i>
Ba âm tiết	3	3,61%	<i>khu du lịch Biển Rạng...</i>
Bốn âm tiết	4	4,9%	<i>khu tái định cư Cầu tam Kỳ 2...</i>
Năm âm tiết	1	1,2%	<i>di tích khảo cổ học Khu mộ chum Phú Hòa...</i>

***e. Khả năng kết hợp và phân bố của một số thành tố chung trong phức thể địa danh Núi Thành***

*Khả năng kết hợp thành tố chung trong địa danh thiên tạo*

*Khả năng kết hợp thành tố chung trong địa danh nhân tạo*

**2.5.3. Cấu trúc thành tố riêng**

**a. Đặc điểm chung:** Thành tố riêng( tên riêng) trong phức thể địa danh là tên riêng của từng đối tượng địa lý cụ thể, dùng để phân biệt đối tượng này với đối tượng khác trong cùng loại hình giữa các loại hình địa danh với nhau.

**b. Số lượng các yếu tố trong thành tố riêng của phức thể địa danh huyện Núi Thành:** Trong tổng số 1156 địa danh huyện Núi Thành, độ dài của các yếu tố trong tên riêng là không giống nhau. Địa danh có cấu tạo đơn giản nhất chỉ một yếu tố, địa danh cấu tạo phức tạp nhất là chín âm tiết.

**Bảng 2.8: Bảng thống kê số lượng tên riêng theo các yếu tố**

ST T	Số lượng yếu tố	Số lượng địa danh					Tổng cộng		Ti lệ
		ĐD ĐN	ĐD SN	ĐD ĐB	ĐD HC	ĐD XD	ĐD CTXDVH- TN		
1	Một yếu tố	49	32	20	216	46	23	386	33,39
2	Hai yếu tố	86	53	52	233	109	102	635	54,93
3	Ba yếu tố	2	0	4	38	33	8	85	7,35
4	Bốn yếu tố	0	0	0	0	8	15	23	1,99
5	Năm yếu tố	0	0	0	0	0	13	13	1,12
6	Sáu yếu tố	0	0	0	0	2	8	10	0,86
7	Bảy yếu tố	0	0	0	0	0	2	2	0,17
8	Tám yếu tố	0	0	0	0	0	1	1	0,08
9	Chín yếu tố	0	0	0	0	0	1	1	0,08
Tổng cộng		137	85	76	487	198	173	1156	100

**c. Đặc điểm cấu tạo thành tố riêng***. Cấu tạo đơn*

Địa danh có cấu tạo đơn nghĩa là địa danh chỉ có một thành tố được thể hiện bằng một từ đơn. Theo thống kê của chúng tôi có 295 địa danh cấu tạo đơn chiếm 25,6 %. Xét về từ loại địa danh huyện Núi Thành chủ yếu là danh từ, động từ, tính từ, số từ. Ví dụ: sông Chợ, bãi Rạng,...

*c.2. Cấu tạo phức*

Địa danh có cấu tạo phức được hiểu là địa danh đa tiết, tức gồm hai thành tố trở lên có 861 địa danh chiếm 74,4%. Được xét trên

3 quan hệ: đẳng lập, chính phụ, chủ vị. Trong đó quan hệ chính phụ chiếm vị trí chủ yếu.

## **2.6. TIỂU KẾT**

Về nguồn gốc ngôn ngữ, dựa theo tiêu chí ngữ nguyên chúng tôi chia địa danh huyện Núi Thành ra làm 13 loại : Địa danh thuần Việt, địa danh Hán Việt, địa danh có nguồn gốc khác. Trong đó địa danh thuần Việt và địa danh Hán Việt chiếm ưu thế hơn cả.

Xét về phương thức cấu tạo, địa danh huyện Núi Thành cơ bản có nét chung so với địa danh nhiều địa phương khác.

Các địa danh trong huyện Núi Thành có độ dài khác nhau, địa danh ngắn nhất chỉ có một yếu tố, địa danh dài nhất gồm chín yếu tố, trong đó mỗi yếu tố tương đương với một âm tiết.

Địa danh huyện Núi Thành cũng giống như địa danh ở nhiều địa phương khác trên đất nước Việt Nam đều nằm trong một cấu trúc phức thể nhất định.

### CHƯƠNG 3

#### ĐẶC ĐIỂM NGŨ NGHĨA CỦA ĐỊA DANH HUYỆN NÚI THÀNH

#### 3.1. BIỂU THỊ ĐẶC ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG QUA ĐỊNH DANH

##### 3.1.1. Biểu thị vị trí, phương hướng của đối tượng định danh

**Xác định vị trí của đối tượng :** Các địa danh chỉ vị trí (thượng, trung, trên, dưới, trong, ngoài): ấp *Đức Bó Trên* (TAB), ấp *Đức Bó Dưới* (TAB), xứ đất *Mỹ Đông thượng* (TS), xứ đất *Mỹ Đông hạ* (TS), xứ đất *Gành Trên* (TH), xứ đất *Láng Dưới* (TH), xóm *Phái Trong* (TS), *Phái Ngoài* (TS), *Phái Giữa* (TS), cồn *Giữa* (TH3), đồng *Ngoài* (TMĐ)...

**Xác định phương hướng đối tượng:** Các địa danh chỉ phương hướng (Đông, Nam, Tây, Bắc): thôn *Phú Nam Đông* (TX2), thôn *Phú Nam Bắc* (TX2), xã *Tam Anh Nam* (NT), xã *Tam Anh Bắc* (NT), xã *Tam Mỹ Đông* (NT), xã *Tam Mỹ Tây* (NT), thôn *Bích Ngô Tây* (TX2), thôn *Bích Ngô Đông* (TX2), thôn *Sâm Linh Đông* (TQ), thôn *Sâm Linh Tây* (TQ), thôn *Đông Thạnh Đông* (TH), thôn *Đông Thạnh Tây* (TH), thôn *Thuận Yên Đông* (TS), thôn *Thuận Yên Tây* (TS)....

##### 3.1.2. Biểu thị đặc điểm địa hình của đối tượng định danh

**a. Biểu thị về hình dáng của đối tượng:** Hình dáng của đối tượng được phản ánh khá đa dạng. Hình dáng của đối tượng xuất phát từ trí tưởng tượng của người định danh, do đó có những đồ vật, sự vật trong cuộc sống cũng được miêu tả hình dáng của đối tượng khi giữa chúng có nhiều đặc điểm giống nhau như con heo, cánh cò bay, yên ngựa, con rùa, con mang...

Hình dáng cụ thể, sinh động dễ dàng nhận ra qua các địa danh như: dãy núi *Đá Con Heo* ( hình dáng giống con heo), dãy núi *Cò*

*Bay* ( hình dáng giống cánh cò đang bay) dãy núi *Mã Yên* ( giống cái yên ngựa), dãy núi *Răng Cưa* ( hình dạng đôi hàm răng), hòn *Bò* ( giống hòn con Bò), sông *Trâu* ( giống hình con Trâu), hòn *Mang*, hòn *Rùa*, rừng *Cổ Cò* ( hình dáng giống cổ con cò), cù lao *Ổ Gà* ( giống ổ gà),...

**b. Biểu thị kích thước của đối tượng:** Đó là những kích thước, dài, ngắn, to, nhỏ, rộng, hẹp, vuông... Những kích thước này được phản ánh nhiều ở địa danh tự nhiên như núi *Lớn* (TT1), hồ *Lớn* (TT1), đầm *Vuông* (TN), *Gò Dài* (NT),...

**c. Biểu thị màu sắc liên quan đến đối tượng:** Đó là những màu xanh, đỏ, vàng... những màu sắc này được phản ánh nhiều trong địa danh tự nhiên như: hòn *Đá Xanh* (TH), cồn *Đất Đỏ* (TT), *đồi Đất Đỏ* (TT).

**3.1.3. Biểu thị khung cảnh môi trường liên quan đến đối tượng định danh.** Phản ánh hệ động vật sinh thái nơi đối tượng định danh: núi *Dơi* (TAB), đầm *Cá* (TN), gò *Dê* (TH3),...

**3.1.4. Biểu thị loại khoáng sản có ở đối tượng:** Đó là những chất liệu như đất, cát, đá, sỏi, chì, kẽm...những chất liệu này được phản ánh nhiều ở địa danh thiên tạo như: dãy núi *Thiếc Khoáng*(TR) núi *Đất* (TAB), núi *Mỏ Chì* (TN), ...

**3.1.5. Biểu thị âm thanh của đối tượng định danh:** núi *Hú*

## **3.2. ĐỊA DANH PHẢN ẢNH ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ VÀ KINH TẾ**

**3.2.1. Địa danh phản ánh đặc điểm cư trú sinh hoạt hằng ngày của cư dân:** ví dụ: xóm *Vạn*,...

**3.2.2. Phản ánh quá trình chuyển đổi hành chính dân cư :** *Xã Tam Anh* được chia tách thành 2 xã: *Tam Anh Bắc*, *Tam Anh Nam*.

**3.2.3. Phản ánh nguồn gốc dân cư :** xã *Phú Xuân* (cũ), có truyền thuyết cho rằng Thủy tổ tộc Trần Nghi Xuân từ phía bắc trước khi vào Hà Đông (cuối thế kỉ XVI), có thời gian ở tại Phú Xuân – Thừa Thiên nên đặt tên xã Phú Xuân để lưu niệm. Đến năm Tự Đức thứ 17 (1864) đổi thành xã Nghi Xuân.

**3.2.4. Phản ánh dòng họ, dòng tộc sinh sống trên địa bàn:**

*Nhà thờ tộc Ung, nhà thờ tộc Đỗ, nhà thờ tộc họ Tống, nhà thờ tộc Trương.* Đây là các dòng họ dân tộc Kinh phản ánh gốc gác, công lao và vai trò đi khai hoang mở mang bờ cõi... Địa danh mang tên người, phản ánh quan hệ sở hữu (núi Bà Sáu, gò Bà Tham, đốc Ông Mới, đập Ông Tin),...

**3.2.5. Phản ánh nghề nghiệp và các sản phẩm kinh tế đặc trưng của địa phương, ví dụ:** xóm Vạn (xóm đánh bắt cá ngày xưa)

**3.3. ĐỊA DANH PHẢN ẢNH VĂN HÓA VÀ LỊCH SỬ**

**3.3.1. Phản ánh phong tục tập quán và đời sống tâm linh:** hội thánh *Tin lành An Tân*,...

**3.3.2. Phản ánh sự kiện, biến cố lịch sử, và quân sự:** di tích lịch sử *Khu chiến tích Lùm Tràm*,...

**3.4. ĐỊA DANH PHẢN ẢNH ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ**

**3.4.1. Phản ánh quá trình tiếp xúc ngôn ngữ**

*a. Sự tiếp xúc ngôn ngữ Việt – Chăm:* Ngày nay ngôn ngữ có nguồn gốc Chăm không còn tồn tại trên vùng đất huyện Núi Thành, chỉ còn lại một số tên gọi như *Trà Con* (TR), *Trà Bru* (TR), *Trà Quân* (TX1), *Trà Rú*

*b. Sự tiếp xúc ngôn ngữ Việt – Hán:* *núi Đồi Sơn* (TS), *núi Núi Thành* (NT), *dãy núi Lau Sơn*,...

**3.4.2. Yếu tố ngôn ngữ địa phương: hồỒỒ.**

### 3.5. TIỂU KẾT

Qua phân tích đặc điểm ngữ nghĩa địa danh huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, chúng tôi nhận thấy địa danh huyện Núi Thành rất phong phú và đa dạng về ý nghĩa. Những địa danh trong huyện Núi Thành đã vẽ lên một cách khái quát về cấu trúc địa hình của vùng. Đó là những kiểu địa hình từ cao xuống thấp và nằm đan xen lẫn lộn của sơn danh như dãy núi, núi, thác, gò, đồi, đèo, dốc, thủy danh sông suối ao, hồ, biển, hoặc địa danh chỉ đồng bằng như ruộng, đồng, rừng.... Các sông, suối, nương, đập, cũng được sắp xếp theo địa hình của đồi, núi, dãy núi. Ở mỗi loại địa hình lại có những nét gọi hình, gọi tả gắn với những đặc điểm riêng biệt. Địa hình đó đã tạo cho nơi đây cảnh quang thiên nhiên tươi đẹp, đa dạng, phong phú về hệ động, thực vật.

Nghiên cứu đặc điểm ý nghĩa của các yếu tố cấu tạo nên một số địa danh trong huyện Núi Thành cũng chính là nghiên cứu nghĩa của từ trong tiếng Việt. Nghĩa của địa danh giống như từ chỗ của nó có cả nghĩa biểu vật và nghĩa biểu niệm, tuy nhiên nó cũng có sự khác biệt rõ ràng, nghĩa của địa danh luôn có tính lí do, có nguồn gốc và xuất xứ của nó. Nếu tìm hiểu được nguồn gốc có tính lí do này sẽ giúp chúng ta hiểu sâu về địa danh cùng với những đặc điểm, địa lí, lịch sử, văn hóa, tộc người có liên quan đến nó. Bên cạnh đó, ý nghĩa của địa danh có thể được giữ nguyên hoặc bị biến đổi ít nhiều theo sự chuyển hóa từ loại của các yếu tố cấu tạo địa danh thành các danh từ chỉ tên riêng trong địa danh.

Huyện Núi Thành là những địa bàn được thành lập rất lâu, hệ thống các địa danh nhìn chung đã hoàn thiện. Tuy nhiên địa giới hành chính của huyện Núi Thành cũng có sự thay đổi, nên trong địa danh hành chính có sự xuất hiện nhiều địa danh được chia tách từ địa danh gốc. Cũng ở trong địa bàn này, hầu hết các địa danh cũ đã bị



mất, hoặc thay vào đó các tên gọi mới, chỉ có một số ít địa danh danh còn tồn tại giữ nguyên cho đến ngày nay.

Địa danh huyện Núi Thành khá đa dạng nên đồng thời cũng thể hiện sự đa dạng của văn hóa nơi đây. Dấu ấn văn hóa đã được lưu lại qua những địa danh thuộc di sản văn hóa vật thể, hay những địa danh phản ánh văn hóa phi vật thể. Nhìn từ góc độ ngôn ngữ - văn hóa sẽ thấy rõ ảnh hưởng của văn hóa đối với ngôn ngữ qua các yếu tố cấu tạo, nội dung, nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị địa danh huyện Núi Thành. Địa danh lưu giữ trong mình những tư liệu, thông tin về văn hóa vật chất, tinh thần của người sáng tạo ra nó.

Tóm lại qua việc tìm hiểu về địa danh huyện Núi Thành chúng ta đã thấy được phần nào nét riêng trong các địa danh, trong cấu tạo, đặc điểm văn hóa của vùng đất này. Tất cả tạo nên bức tranh về một vùng đất đầy sống động, giàu văn hóa, vùng đất của những người nguyên thủy xa xưa, nơi ghi dấu những sự kiện lịch sử của dân tộc, đặc biệt nơi đây có nhiều điểm du lịch hấp dẫn như các danh thắng, hang, suối,... Huyện Núi Thành sẽ là nơi hứa hẹn nhiều công trình nghiên cứu với nhiều lĩnh vực khác nhau.

## KẾT LUẬN

Qua việc thu thập, phân tích, mô tả, khái quát hóa về địa danh Núi Thành mặt dù có nhiều cố gắng, nhưng chắc hẳn có nhiều vấn đề chúng tôi chưa đưa ra hoặc giải quyết được thỏa đáng với thực tế địa danh đã yêu cầu của việc nghiên cứu địa danh. Tuy vậy, chúng tôi cũng đưa ra những kết luận có tính bước đầu về địa danh huyện Núi Thành như sau:

Huyện Núi Thành là một địa bàn phức tạp về địa lý, lịch sử, dân cư, ngôn ngữ, văn hóa. Đặc điểm này được phản ánh khá rõ trong địa danh nơi đây. Đó là địa bàn có đối tượng địa lý khá phong phú, đa dạng.

Địa bàn huyện Núi Thành, nằm trong một cấu trúc phức thể nhất định.

Địa danh huyện Núi Thành được cấu tạo theo 4 phương thức tất cả: phương thức tự tạo, phương thức chuyển hóa, phương thức vay mượn, phương thức ghép. Ít nhiều, địa danh ở Núi Thành đã phản ánh được một số mặt lịch sử, kinh tế, chính trị, ngôn ngữ, văn hóa, địa lý, dân tộc, giáo dục... cho chúng ta cái nhìn toàn cục về vùng đất mới này.

Địa danh Núi Thành đã giữ dấu ấn văn hóa vật thể và phi vật thể trong những thời kì lịch sử khác nhau của địa bàn. Các đặc điểm văn hóa được thể hiện trong địa danh luôn có mối quan hệ gắn bó với nhau.

Trong quá trình khảo sát, thống kê và phân tích chúng tôi còn nhiều thiếu sót và nhiều vấn đề ngôn ngữ học chưa được giải quyết thỏa đáng nhưng chúng tôi hy vọng những gì đã trình bày ở trên sẽ góp một phần nhỏ nhoi vào mặt bằng chung của ngành địa danh học nước ta.